TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS-PT
Ngày: 29-6-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-T2phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Cao Xuân Long

- T1 ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2021/QĐ-PT ngày 10/6/2021 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 35/2021/QĐ-TĐTT ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Th. H1, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10/8 R, phường F, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: 427/3 N, phường X, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (Ông Ng có mặt, bà Tr vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Đinh V.A. T1, sinh năm 1990 (Có mặt).

Ông Đặng Đ. D1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ô7 tổ 10, khu phố H., thị trấn PH., huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, ấp L., xã P., huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Bà Đinh V.A.T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 4, ấp L., xã P., huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bà Trần Th. H1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Th. H1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ng trình bày:

Trong năm 2020, bà H1 có cho bà T1 và ông D1 vay 02 khoản tiền, cụ thể như sau:

Thông qua sự giới thiệu của ông Đinh Tr T2 là nhân viên Ngân hàng Eximbank X, ngày 21/2/2020 bà H1 đồng ý cho bà T1 và ông D1 vay số tiền 1.900.000.000 đồng để bà T1 và ông D1 trả tiền vay và chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX do UBND huyện Đ cấp ngày 22/01/2016 từ ông Lê P. ; ông T2 hứa sau khi chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Lê P. thì ông T2 sẽ giúp cho bà T1 và ông D1 vay tiền tại Ngân hàng D trả lại tiền cho bà H1. Hai bên thỏa thuận trong thời hạn 07 ngày thì bà T1 và ông D1 phải trả lại số tiền này cho bà H1 và không thỏa thuận lãi suất. Do vậy, trong cùng ngày 21/2/2020 bà H1 đã chuyển số tiền 1.900.000.000 đồng vào tài khoản của ông Lê P. theo số tài khoản 0081001339xxx tại Ngân hàng V. Sau khi bà T1, ông D1 chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Lê P. thì bà H1 là người trực tiếp cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Theo đề nghị của ông T2, bà H1 đồng ý và đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX cho ông T2 làm thủ tục thế chấp, vay tiền tại Ngân hàng D để hoàn trả nợ vay cho bà. Sau đó bà H1 nhiều lần liên hệ với ông T2 và bà T1 để yêu cầu trả tiền thì được biết ông T2 và bà T1 là chị em ruột, do bà T1 đang gặp khó khăn nên đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp vay tiền của cá nhân bên ngoài với số tiền 600.000.000 đồng mà không thế chấp tại Ngân hàng D như ông T2 đã hứa. Theo đề nghị của bà T1, bà H1 đồng ý cho bà T1, ông D1 tiếp tục vay thêm số tiền 600.000.000 đồng để chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất và có viết giấy nhận thêm tiền và ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cùng ngày 27/2/2020.

Sau khi vay tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng từ bà H1 thì bà T1 và ông D1 đã trả được cho bà H1 300.000.000 đồng vào ngày 16/3/2020. Ngày 07/4/2020 bà T1 trả tiếp cho bà H1 1.060.000.000 đồng (trong đó 1.050.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền dịch vụ). Để có được số tiền 1.060.000.000 đồng trả cho bà H1 thì giữa bà H1 và bà T1, ông D1 thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/2/2020, bà H1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947xxx để bà T1 và ông D1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/3/2020 cho ông TVC để nhờ ông C đứng tên thế chấp vay tiền tại Ngân hàng S - Chi nhánh T do bà T1 và ông D1 không đủ điều kiện vay. Bà T1 có viết số tiền trả là 1.060.000.000 đồng trên 01 phong bì T1 giao cho bà H1 cất giữ.

Ngày 21/5/2020, hai bên sau khi đối chiếu, bà T1 và ông D1 xác nhận có lập giấy xác nhận, cam kết trả nợ với nội dung: đã trả nợ cho bà H1 1.350.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 1.150.000.000 đồng và cam kết trả tiền lãi 2%/tháng và trả theo hàng tháng từ ngày 21/5/2020 cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên, từ ngày 21/5/2020 đến nay bà T1 và ông D1 chưa trả cho bà H1 một khoản tiền gốc và tiền lãi nào.

Về phần thửa đất số 231, tờ bản đồ 117 tọa lạc tại thị trấn PH hiện do ông TVC thế chấp tại Ngân hàng S; tuy nhiên ông C chỉ là người đứng tên giùm cho bà T1 và ông D1 để thế chấp vay tiền Ngân hàng. Vì vậy, đất vẫn thuộc quyền sử dụng của bà T1, ông D1 nên bà H1 đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, không cho bà T1 và ông D1 chuyển quyền sử dụng đất để bảo đảm thanh toán nợ cho bà H1.

Theo đơn khởi kiện, bà H1 yêu cầu bà T1 và ông D1 trả số tiền nợ gốc còn lại tính đến ngày 21/5/2020 là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 26.000.000đ và tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 21/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T1 và ông D1 trả cho bà H1 số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể lãi suất là 20%/năm từ ngày 21/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/4/2021.

Theo bản tự khai ngày 21/8/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Đinh V.A. T1 và ông Đặng Đ. D1 trình bày:

Bà T1 và ông D1 thừa nhận trong năm 2020 có vay của bà Trần Th. H1 hai khoản tiền là 1.900.000.000 đồng và 600.000.000 đồng như bà H1 đã trình bày, cụ thể: Khoảng tháng 2 năm 2020 (không nhớ chính xác ngày), bà T1 và ông D1 có vay của bà H1 số tiền 1.900.000.000 đồng với mức lãi suất là 9.000.000 đồng/ngày thông qua sự giới thiệu của ông T2 làm nhân viên Ngân hàng. Tuy nhiên, do lúc này bà T1 và ông D1 đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947065 cho ông Lê P. để vay tiền nên bà H1 đã chuyển số tiền 1.900.000.000 đồng vào tài khoản của ông Lê P. để vợ chồng bà T1, ông D1 chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên thỏa thuận sau khi bà T1, ông D1 chuộc được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Lê P. thì sẽ đem thế chấp Ngân hàng để vay tiền trả cho bà H1. Sau khi chuộc được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T1 và ông D1 có liên hệ với Ngân hàng để vay tiền nhưng Ngân hàng không phê duyệt cho bà T1, ông D1 vay. Trong thời gian này, bà T1 và ông D1 vẫn tiếp tục trả tiền lãi cho bà H1. Do cần thêm tiền nên bà T1 và ông D1 lại vay thêm bà H1 số tiền là 600.000.000 đồng. Để vay thêm khoản tiền này, ngày 27/02/2020 bà T1, ông D1 phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ 117 tọa lạc tại thị trấn PH, huyện Đ cho bà H1. Như vậy, tổng cộng số tiền bà T1 và ông D1 đã vay của bà H1 là 2.500.000.000 đồng, bà T1 đã trả lãi trong 2 tháng đầu với 9 triệu/ngày. Do Ngân hàng không đồng ý cho bà T1 vay nên bà không có tiền trả cho bà H1. Bà H1 và bà T1, ông D1 tiếp tục thỏa thuận là hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/2/2020 để bà T1, ông D1 tìm phương án thế chấp vay tiền Ngân hàng lấy tiền trả nợ cho bà H1. Sau khi hai bên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà T1 và ông D1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ 117 tọa lạc tại thị trấn PH cho ông TVC để ông C đứng tên vay. Đến ngày 26/3/2020 bà T1 đã trả cho bà H1 được số tiền 1.600.000.000 đồng, còn nợ lại 900.000.000 đồng. Sau đó, bà T1 và

ông D1 có xin bà H1 thời gian để trả số tiền còn lại, bà H1 yêu cầu bà T1 và ông D1 phải ghi giấy xác nhận nợ theo yêu cầu của bà H1. Các khoản tiền bà T1, ông D1 đã trả cho bà H1 là 300.000.000 đồng vào ngày 16/3/2020 có ghi vào phía sau giấy nhận tiền đề ngày 27/2/2020 và 1.060.000.000 đồng ghi trên 01 phong bì T1 vào ngày 7/4/2020 như phía bà H1 trình bày là đúng; riêng các khoản trả lãi trước đó thì do không ghi giấy giao nhận tiền nên bà T1, ông D1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết lại. Đối với thửa đất 231, tờ bản đồ 117 tọa lạc tại thị trấn PH, huyện Đ thì bà T1 và ông D1 đã chuyển nhượng cho ông TVC và hiện ông C đang thế chấp tại Ngân hàng nên bà T1 và ông D1 không đồng ý với yêu cầu phong tỏa của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H1 là đến ngày 21/5/2020 vợ chồng bà còn nợ bà H1 số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà H1 số tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng và tiền lãi là 26.000.000 đồng như đơn khởi kiện bà H1 yêu cầu, bà T1 không đồng ý trả thêm khoản tiền lãi nào khác cho bà H1.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Th. H1.

Buộc bà Đinh V. A. T1 và ông Đặng Đ.D1 trả nợ cho bà Trần Th. H1 số tiền là 1.353.159.600 đồng, trong đó nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi là 203.159.600 đồng tính đến ngày 09/4/2021.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 23/4/2021, nguyên đơn bà Trần Th. H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo hướng chấp nhận đề nghị của nguyên đơn về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch tài sản đối với tài sản của bị đơn là toàn bộ nhà đất thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 117 tọa lạc tại thị trấn PH, huyện Đ , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2016 nhằm đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, các Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ số 117 tọa lạc tại thị trấn PH đang được thế chấp tại Ngân hàng S nhưng vì tài sản nguyên đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hiện đang do ông TVC đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là tài sản đảm bảo cho khoản nợ của bà T1, ông D1 nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Mặc khác, theo quy định tại Điều 140 BLTTDS nếu nguyên đơn không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của mình thì nguyên đơn có quyền khiếu nại về việc này chứ Tòa án cấp phúc thẩm không có quyền xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà đương sự không có khiếu nại.

Do vậy, căn cứ Điều 293 BLTTDS thì Tòa án cấp phúc thẩm không có quyền xem xét đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Th. H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xét tính hợp lệ của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bà Trần Th.H1 đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Th. H1 và bị đơn ông Đặng Đ. D1 tuy vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của họ tham gia phiên tòa.

Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án phúc thẩm vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Th. H1:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 21/5/2020 bà H1 cùng vợ chồng bà T1, ông D1 đã đối chiếu, xác nhận nợ và vợ chồng bà T1, ông D1 có lập giấy cam kết trả nợ. Theo đó, bà T1 và ông D1 thừa nhận có vay của bà H1 2.500.000.000 đồng, tính đến ngày 21/5/2020 bà T1 và ông D1 đã trả nợ cho bà H1 là 1.350.000.000 đồng, còn nợ là tiền gốc 1.150.000.000 đồng. Bà T1 và ông D1

cam kết trả lãi cho bà H1 trên số tiền 1.150.000.000 đồng là 2%/tháng, trả theo hàng tháng và trả từ ngày 21/5/2020 cho đến khi hết nợ.

Do đó, bản án sơ thẩm tuyên: Buộc bà Đinh V. A.T1 và ông Đặng Đ. D1 trả nợ cho bà Trần Th. H1 số tiền là 1.353.159.600 đồng, trong đó nợ gốc 1.150.000.000 đồng, tiền lãi là 203.159.600 đồng tính đến ngày 09/4/2021 là có căn cứ; phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự không ai kháng cáo về nội dung của hợp đồng vay tài sản cũng như nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Xét nội dung kháng cáo của bà H1 về đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch tài sản đối với tài sản của bị đơn là toàn bộ nhà đất thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 117 tọa lạc tại thị trấn PH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2016 nhằm đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị đơn. Thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, bà H1 có đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15/9/2020, theo đó bà H1 cho rằng thửa đất số 231, tờ bản đồ 117 tọa lạc tại thị trấn PH, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng S, do ông TVC đứng tên thế chấp, ông Cc hỉ là người đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX cho bà T1 và ông D1 để thế chấp vay tiền Ngân hàng. Vì vậy, đất vẫn thuộc quyền sử dụng của bà T1, ông D1 nên đề nghị Tòa án thụ lý và đưa ông C , ông Đinh Tr T2 và Ngân hàng S vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đồng thời yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đinh V.A. T1, ông Đặng Đ. D1 với ông TVC là vô hiệu và hủy đăng ký biến động sang tên cho ông Ctrên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn, phong tỏa quyền sử dụng đất thửa đất số 231, tờ bản đồ số 117 tọa lạc tại thị trấn PH để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H1.

Xét thấy: Ông TVC là chủ sử dụng quyền sử dụng nhà đất thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 117 tọa tại thị trấn PH, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 947XXX do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2016 và nhà đất này hiện đang được ông C thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng S - Chi nhánh T, đây không phải là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ của bà T1, ông D1 trong vụ án này. Do vậy, Tòa án huyện Đ đã có Thông báo số 02/2021/TB-TA ngày 08/01/2021 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H1 và đã tống đạt Thông báo này cho đại diện ủy quyền của nguyên đơn nhưng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo này thì nguyên đơn cũng không có khiếu nại và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ cũng không có kiến nghị. Đồng thời, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà H1 cũng **không có đơn** yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ. Đồng thời, theo quy định tại Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại về việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là thuộc quyền của Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án nếu Thẩm phán

không quyết định áp dụng theo yêu cầu của đương sự, thời hạn khiếu nại là 03 ngày kể từ ngày bà H1 nhận được quyết định không áp dụng hoặc trả lời của Thẩm phán về việc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tại phiên tòa là phù hợp.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Án phí sơ thẩm: Đã được Bản án sơ thẩm giải quyết.

[3.2]. Án phí phúc thẩm: Cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1 nên bà H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Th. H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ vào:

- Các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Th. H1.

Buộc bà Đinh V.A.T1 và ông Đặng Đ. D1 trả nợ cho bà Trần Th. H1 số tiền là 1.353.159.600 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, một trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi là 203.159.600 đồng, lãi suất tính đến ngày 09/4/2021.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Bà Đinh V. A.T1 và ông Đặng Đ. D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.594.700 đồng (Năm mươi hai triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn, bảy trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Th. H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.640.000 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tam ứng án phí số 0004078 ngày 10/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Th.H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004649 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Lý Thị Lệ Thủy